



GIẢI CỨU CÁC QUỐC GIA THẤT BẠI

Nguồn: Gerald B. Helmen & Steven R. Ratner (1992). “Saving Failed States”, *Foreign Policy*, No. 89 (Winter), pp. 3-20

Biên dịch: Nông Hải Âu | **Hiệu đính:** Lê Hồng Hiệp

Từ Haiti ở Tây bán cầu tới phần sót lại của Nam Tư ở châu Âu, từ Somalia, Sudan, và Liberia ở châu Phi đến Campuchia ở Đông Nam Á, có một hiện tượng mới đáng lo ngại đang nổi lên: các quốc gia – dân tộc thất bại, hoàn toàn không có khả năng duy trì vai trò một thành viên của cộng đồng quốc tế. Nội chiến, chính phủ tan vỡ, và thiếu thốn kinh tế đang tạo ra ngày càng nhiều hơn tình trạng *debilitatios*, thuật ngữ được dùng mô tả tình trạng bị phá hủy của Đức sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai. Khi các quốc gia này rơi vào tình trạng hỗn loạn và bạo lực, đặt công dân của họ vào tình thế nguy hiểm và đe dọa các nước láng giềng bởi dòng người tị nạn, bất ổn chính trị, và tình trạng chiến tranh ngẫu nhiên; rõ ràng là người ta cần phải làm gì đó. Việc lạm dụng rộng khắp quyền con người, trong đó cơ bản nhất là quyền sống, đã đủ đau buồn, nhưng yêu cầu cần phải giúp đỡ những quốc gia này càng trở nên bức thiết hơn khi có bằng chứng cho thấy vấn đề của họ ngày càng có xu hướng lan rộng hơn. Từ trước đến nay, giúp đỡ các nước đang phát triển gặp khó khăn đã là một nhiệm vụ lớn, nhưng giải cứu các quốc gia thất bại sẽ là một thách thức mới và khác biệt trên nhiều phương diện.

Những đồ vỡ gần đây có nguyên nhân từ sự gia tăng đột ngột số lượng các quốc gia – dân tộc, đặc biệt tại châu Phi và châu Á, kể từ sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai. Khi Hiến chương Liên Hiệp Quốc ra đời năm 1945, nó được ký bởi 50 quốc gia. Kể từ đó, số thành viên đã tăng gấp ba, phản ánh xu hướng chuyển đổi từ hệ thống thuộc địa trước chiến tranh sang thế giới của các quốc gia độc lập. Trong thời kỳ đó, mà giờ đây đã gần kết thúc với việc Namibia giành độc lập năm 1990, Liên Hiệp Quốc và các nước thành viên đã đưa việc thực hiện “quyền dân tộc tự quyết”, một quyền có trong Hiến chương, lên làm mục tiêu hàng đầu.

Trên thực tế, quyền tự quyết được chú ý đến nhiều hơn cả khả năng tồn tại lâu dài của quốc gia. Tất cả đều đồng ý rằng các quốc gia mới cần được hỗ trợ về kinh tế, và Liên Hiệp Quốc khuyến khích các tổ chức như Ngân hàng thế giới (WB) và Chương trình Phát triển Liên Hiệp Quốc (UNDP) giúp đỡ họ. Nhưng nền tảng của tư tưởng phi thực dân hóa chính là quan niệm rằng các dân tộc có thể điều hành tốt nhất đất nước của họ khi thoát khỏi gông cùm hay thậm chí là ảnh hưởng của các thế lực ngoại quốc. Vì vậy ý tưởng rằng các nhà nước có thể thất bại, hay đơn giản là không thể đóng vai trò như những thực thể độc lập, đã đối nghịch với lí do tồn tại của tư tưởng phi thực dân hóa và phạm phải quyền tự quyết. Người ta nghĩ rằng các nhà nước mới có thể nghèo, tuy nhiên họ vẫn đề cao phẩm giá của sự độc lập.

Trong thời kỳ còn tồn tại, cuộc Chiến tranh Lạnh đã giúp kéo dài khả năng sống sót của một số quốc gia mới giành được độc lập và các quốc gia thuộc Thế giới thứ Ba khác. Các nước với nền kinh tế và chính phủ kém phát triển nghiêm trọng đã nhận các khoản viện trợ lớn từ hai siêu cường và các ông chủ thuộc địa trước đây. Việc nhiều nước mới thành lập được đặc trưng bởi tình trạng tham nhũng một cách có hệ thống không cản trở hai siêu cường tiếp thêm viện trợ, bởi họ cần tìm đồng minh trong cuộc chiến. Vì thế Philippines, Nam Việt Nam, Zaire và Somalia sau năm 1977 hưởng lợi rất nhiều từ viện trợ của Mỹ, trong khi Afghanistan, Cuba và Ethiopia sau năm 1974, và một vài nước tiên tuyền ở châu Phi, hưởng lợi từ viện trợ của Liên Xô. Dù vậy, hầu hết các quốc gia trên không phụ thuộc hoàn toàn vào viện trợ. Nhiều nước, điển hình là các nước thuộc ASEAN, đã trở thành các nước độc lập lớn mạnh. Tuy nhiên nguồn viện trợ nước ngoài là tối quan trọng với nhiều quốc gia, tùy thuộc vào tầm quan trọng chiến lược thực sự hay tưởng tượng của họ trong Chiến tranh Lạnh.

Tuy nhiên thời gian đã chứng tỏ rằng những trở ngại đối với các quốc gia non trẻ là quá lớn, và sự cắt giảm hỗ trợ từ cuối những năm 1980 đã chỉ ra rõ rệt những yếu kém của họ. Ở các nước như Somalia, Sudan, Zaire, chính quyền mất uy tín đang bị thách thức bởi các cuộc nổi dậy mạnh mẽ. Kết quả là các cuộc nội chiến làm gián đoạn các dịch vụ quản lý thiết yếu, phá hoại hệ thống cung cấp và phân phối lương thực, và đưa nền kinh tế vào trạng thái hầu như trì trệ; các quan chức tham nhũng và tội phạm chỉ càng khiến cho người dân thêm thống khổ. Ở Somalia và Sudan, thiên tai làm tình trạng thêm trầm trọng, cướp đi sinh mạng một phần lớn dân số và buộc nhiều người phải di cư đến các đô thị vốn đã đông đúc hay các trại tị nạn nước ngoài. Ở Campuchia, hơn 20 năm chiến tranh đã khiến đất nước bị tàn phá, rải rác bom mìn khắp nơi, và vẫn đang chịu đựng hậu quả của chế độ diệt chủng Khơ-me đỏ. Cuộc nội chiến ở Afghanistan có vẻ như không thể phân thắng bại, và đất nước có thể sẽ bị chia cắt. Dĩ nhiên, hầu hết các quốc gia phải chịu đựng những khó khăn về kinh tế không phải đối mặt với sự sụp đổ chính phủ. Hầu hết các chính phủ này đã có thể gồng mình vượt qua dù mức sống trì trệ đã trở thành gánh nặng đối với họ.

Các nước Thế giới thứ Ba không phải là đối tượng duy nhất có thể thất bại. Sự tan rã của Liên Xô và Nam Tư trong vòng hai năm rưỡi qua đã tạo ra gần 20 quốc gia mới, hầu hết chưa từng hưởng độc lập và tự quản trị. Người ta hy vọng rằng phần lớn các quốc gia này sẽ thành công, nhưng việc thiếu kinh nghiệm điều hành chính phủ, các thể chế chính quyền yếu kém, triển vọng kinh tế kém, và xung đột sắc tộc sẽ khiến một số quốc gia rơi vào khó khăn vô vọng - tình trạng mà Bosnia đang trải qua với cuộc nội chiến của mình. Những biến chuyển của thế giới về hình thể chính trị, kinh tế và văn hóa đang thử thách sự thống nhất và đường biên giới của nhiều quốc gia khác. Không thể chắc chắn được rằng những đường biên giới chính trị tạo ra dưới thời kỳ thuộc địa rốt cuộc sẽ chứng minh được sự bền vững của mình.

Hiện có ba nhóm nhà nước đang bị đe dọa: Một là các nhà nước đã thất bại như Bosnia, Campuchia, Liberia, Somalia, một nhóm nhỏ mà hệ thống chính phủ đã bị nhấn chìm bởi hoàn cảnh. Hai là các nhà nước đang thất bại như Ethiopia, Grudia, và Zaire, những nơi sự sụp đổ không xảy ra một cách nhanh chóng nhưng có thể sẽ diễn ra trong vài năm tới. Ba là một số nhà nước độc lập mới trong các lãnh thổ cũ như Nam Tư và Liên Xô, mà khả năng tồn tại của chúng rất khó đánh giá. Các nhóm này đều xứng đáng được quan tâm sát sao, và cả ba đều cần đến những chính sách sáng tạo.

Các hướng tiếp cận truyền thống

Các phản ứng truyền thống của cộng đồng quốc đối với các quốc gia và vùng lãnh thổ cần hỗ trợ phát triển thường rơi vào một vài mẫu hình nhất định. Với các vùng lãnh thổ không tự chủ, Hiến chương Liên Hiệp Quốc, và trước đó là Hiệp ước Hội Quốc Liên, đã tạo ra một hệ thống ủy trị, theo đó các nước thành viên và thậm chí bản thân các tổ chức quốc tế được giao trách nhiệm thúc đẩy sự phát triển về các mặt chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa và giáo dục của các cư dân. Hiến chương coi trách nhiệm nâng cao những lợi ích này như một “sự ủy thác thiêng liêng”. Trong một số trường hợp, Liên Hiệp Quốc đóng vai trò trực tiếp. Điển hình, trong hai năm 1962-1963, theo yêu cầu của Hà Lan và In-đô-nê-xi-a, Liên Hiệp Quốc đã nắm quyền điều hành Irian Jaya (phần phía Tây đảo New Guinea) trong thời gian ngắn chuyển quyền quản lý từ Hà Lan sang In-đô-nê-xi-a. Trong các kế hoạch quản lý khác của Liên Hiệp Quốc, như chế độ pháp lý riêng biệt cho Jerusalem (được dự thảo trong kế hoạch phân chia Palestine năm 1947) hay Hội đồng Liên Hiệp Quốc về Namibia (thành lập sau sự kết thúc sứ mệnh của Hiệp hội Nam Phi đối với Namibia), Liên Hiệp Quốc đều không đạt được sự kiểm soát hiệu quả. Hội đồng Liên Hiệp Quốc về Namibia tuy vậy đã giúp tạo nền tảng cho các thành viên phương Tây của Hội đồng Bảo an dự thảo một kế hoạch độc lập, vốn được thực thi trong các năm 1988-89. Khu vực Tây Sahara là một ví dụ khác cho sự dờ dằng của Liên Hiệp Quốc với việc thành lập một quốc gia mới.

Với các quốc gia độc lập, cộng đồng thế giới đã dùng các công cụ truyền thống để thúc đẩy sự phát triển kinh tế và chính trị cho những dân tộc gặp khó khăn. Là nền tảng của các chương trình sau chiến tranh, kế hoạch Marshall cung cấp hơn 16 tỷ đô, tương đương 114 tỷ đô năm 1992, nhằm hỗ trợ song phương cho các nước Tây Âu vốn bị chiến tranh tàn phá đến mức sắp thành những quốc gia thất bại. Mỹ không chỉ giúp khôi phục kinh tế cho các nước bại trận mà còn tái thiết hệ thống chính trị theo con đường dân chủ tại Ý, Nhật, Tây Đức. Kết quả là các nước này phục hồi nền kinh tế năng suất, chính trị ổn định và đóng góp cho nền hòa bình quốc tế.

Từ đó, những quốc gia phục hồi ở châu Âu, các nước thuộc Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), và khối Xô-viết cũ đã đóng góp một lượng lớn viện trợ song phương cho các nước đang phát triển. Các nước viện trợ tập hợp nguồn lực cho một nước nhất định và cung cấp hỗ trợ nhân đạo để đối phó với các cuộc khủng hoảng. Liên Hiệp Quốc thông qua UNDP và hàng loạt các cơ quan chuyên môn và kỹ thuật khác nhau đã cấp vốn cho các dự án và đào tạo cho quan chức các nước đang phát triển. WB viện trợ không hoàn lại và cung cấp các khoản vay cho một số dự án cụ thể tại các nước đang phát triển, và IMF cũng cho vay với các điều khoản ưu đãi. Cao ủy về người tị nạn của Liên Hiệp Quốc (UNHCR) cũng như Chương trình Lương thực Thế giới (WFP), và Quỹ Nhi đồng Liên Hiệp Quốc (UNICEF) cũng giúp đỡ trong các chiến dịch cứu trợ.

Không may thay, những biện pháp này đạt hiệu quả thấp tại các quốc gia đang thất bại, và có vẻ như là hoàn toàn không đủ ở các quốc gia đã thất bại. Viện trợ phương Tây không thể tiếp cận những đối tượng hưởng lợi dự kiến vì bạo lực, những chia rẽ chính trị không thể hòa giải, hay sự thiếu thôn cơ sở hạ tầng kinh tế. Somalia là ví dụ điển hình khác. Chương trình của IMF không khả thi khi không tồn tại một chính phủ nắm quyền. Các khoản viện trợ không hoàn lại, các chương trình hỗ trợ kỹ thuật không được điều phối, và những chuyến viếng thăm thừa thớt của các tổ chức cứu trợ và nhân đạo là không đủ để kéo những quốc gia như Bosnia và Somalia trở về từ miệng hố tử thần. Dù các tổ chức quốc tế cần được khen ngợi vì đã ứng phó với các khủng hoảng, nhưng việc số nhà nước thất bại tăng lên đòi hỏi một hướng tiếp cận hệ thống và sâu sát hơn.

Các hoạt động gần đây của Liên Hiệp Quốc đã phản ánh được những nhu cầu này. Trong báo cáo quan trọng của mình vào tháng 6/1992 mang tên *Chương trình nghị sự vì hòa bình*, Tổng thư ký Boutros Boutros-Ghali đã đưa khái niệm “xây dựng hòa bình hậu xung đột” làm một ưu tiên mới của Liên Hiệp Quốc. Ông kiên quyết nhấn mạnh nhu cầu “hành động để nhận dạng và giúp đỡ những cấu trúc vốn có xu hướng củng cố vững chắc hòa bình để tránh tái xung đột.” Để đề phòng những xung đột trong tương lai, cộng đồng quốc tế phải tạo ra một môi trường chính trị, kinh tế, xã hội mới cho các quốc gia bị tàn phá bởi chiến tranh. Điều này bao gồm việc củng cố thêm các thể chế quản trị, bảo vệ nhân quyền, theo đuổi các dự án hợp tác song phương, và khuyến khích phi quân sự hóa. Các cơ quan của

Liên Hiệp Quốc sẽ hỗ trợ, việc này đòi hỏi các quốc gia thành viên phải đóng góp tài chính nhiều hơn.

Boutros-Ghali chủ yếu đưa ra yêu cầu hỗ trợ dựa trên trách nhiệm của Liên Hiệp Quốc đã được quy định trong Hiến chương trong việc “duy trì hòa bình và an ninh quốc tế”. Dĩ nhiên đây là một luận điểm mạnh. Sự cáo chung của một nhà nước thường được đánh dấu bởi bạo lực và vi phạm nhân quyền rộng khắp vốn ảnh hưởng đến các nước khác. Nội chiến, chuỗi cung cấp lương thực và hệ thống y tế bị gián đoạn, cũng như đổ vỡ kinh tế đã buộc những người tị nạn bỏ chạy sang các nước láng giềng. Các nước này có thể phải gặp phải tình trạng buôn bán vũ khí trái phép, những hành động đoàn kết giữa các nhóm sắc tộc liên quan, và các băng nhóm vũ trang tìm kiếm nơi trú ẩn an toàn. Như ở Balkans, có nguy cơ rõ ràng rằng những xung đột này có thể lan sang các nước khác.

Sự cần thiết của việc bảo đảm an ninh và hòa bình quốc tế đã khuyến khích các hoạt động cụ thể của Liên Hiệp Quốc nhằm phần nào giải cứu các nhà nước đang thất bại thông qua việc can thiệp trực tiếp vào công việc nội bộ các quốc gia này. Kế hoạch lớn của Liên Hiệp Quốc nhằm khôi phục hòa bình ở Campuchia, với chính quyền dân sự, giữ gìn hòa bình và hỗ trợ bầu cử, không chỉ để tái thiết đất nước này từ bên trong mà còn nhằm xóa đi một nguồn gốc căng thẳng lớn cho Đông Nam Á. Ở Trung Mỹ cũng vậy, Liên Hiệp Quốc đã sử dụng việc kiến thiết quốc gia như một phương tiện duy trì hòa bình. Sự giám sát chặt chẽ các cuộc bầu cử ở Nicaragua và các chương trình dân chủ hóa ở El Salvador đã chứng tỏ Liên Hiệp Quốc sẵn lòng can dự vào nội bộ các nước thành viên để đảm bảo hòa bình và an ninh. Bất kỳ nỗ lực trong tương lai nào của Liên Hiệp Quốc tại Balkan, chuyển từ các chương trình hỗ trợ nhân đạo và duy trì hòa bình sang tạo dựng hòa bình lâu dài trên thực tế, nhiều khả năng sẽ được thực hiện trong khuôn khổ đó.

Tuy nhiên, trách nhiệm của Liên Hiệp Quốc với hòa bình và an ninh quốc tế là không đủ để khôi phục lại được toàn bộ các nhà nước thất bại và đang thất bại. Và không phải tất cả các nước đang thất bại đều ảnh hưởng xấu đến hòa bình. Bi kịch của Haiti chỉ do chính người dân nước này gánh chịu, và sự tan rã của Liberia chỉ là một mối nguy hiểm nhỏ với an ninh quốc tế, trừ tác động khiếm tốn của các luồng người tị nạn đến từ hai quốc gia này sang các nước láng giềng. Trong những trường hợp này, các nước thành viên lưỡng lự hơn trong việc ủng hộ sự can dự đa phương.

Sự lưỡng lự này có cả nguyên do luật pháp và chính trị. Từ phương diện pháp lí, Điều 2(7) của Hiến chương nói rằng Liên Hiệp Quốc không được phép can thiệp vào “các vấn đề nội bộ của bất kỳ quốc gia nào” trừ trường hợp Hội đồng Bảo an thực thi ý chí của mình bằng việc áp dụng Chương VII (như trong trường hợp trừng phạt Iraq, Libya, và Serbia). Vì thế Liên Hiệp Quốc rõ ràng không có quyền can thiệp vào các vấn đề hoàn toàn nội bộ trừ khi nhằm ủng hộ các nghị quyết của Hội đồng Bảo an, hoặc có sự đồng tình của quốc gia liên quan.

Quan trọng hơn, các rào cản có nguồn gốc chính trị sâu xa cũng có xu hướng cản trở các định hướng sâu rộng của Liên Hiệp Quốc trong các vấn đề nội bộ của các nước, thậm chí là cả các tranh cãi về tính hợp lý của những sự can thiệp này. Những rào cản này bắt nguồn từ khái niệm “chủ quyền”. Khái niệm này trong luật quốc tế chưa được định nghĩa rõ ràng, vẫn được dùng để chỉ nhiều thứ khác nhau liên quan đến nền độc lập chính trị của một quốc gia – từ sự tồn tại như một đơn vị chính trị riêng biệt trên thế giới - đến quan điểm cực đoan hơn là tất cả các vấn đề nội bộ của một quốc gia đều nằm ngoài thẩm quyền giám sát của cộng đồng quốc tế. Các quốc gia giành độc lập sau 1945 đã rất coi trọng, thậm chí phóng đại tầm quan trọng của khái niệm chủ quyền. Các nước này, vốn tập hợp lại theo khu vực hay trong Nhóm 77 (nay đã có hơn 120 quốc gia) nhanh chóng chống lại mọi mối đe dọa nhận thấy được đối với chủ quyền dù đó là viện trợ nhân đạo hay công tác giữ gìn hòa bình của Liên Hiệp Quốc trong các cuộc nội chiến như ở Bosnia. Họ coi học thuyết chủ quyền chưa hoàn toàn hợp lý này như một thứ vũ khí chống lại các ý định xâm lược của các nước mạnh hơn.

Nhiều nước, đặc biệt là Trung Quốc trong những năm gần đây, dùng tâm khiên chủ quyền để tránh những chỉ trích quốc tế về các hồ sơ nhân quyền tội tệ của họ. Lập trường của họ không lung lay mặc cho sự đồng thuận về nhân quyền đã hình thành trong hơn 40 năm qua - được pháp điển hóa trong Hiến chương, Tuyên bố Toàn cầu về quyền con người, hàng loạt các công ước Liên Hiệp Quốc, và được thể chế hóa thông qua Ủy ban Nhân quyền Liên Hiệp Quốc - rằng nhân quyền là mối quan tâm toàn cầu và cộng đồng quốc tế có quyền và nghĩa vụ thúc đẩy những phẩm giá cơ bản của con người tại tất cả các nước. Chủ quyền cũng đã được nêu ra để ngăn cản sự can thiệp quốc tế vào các vấn đề khác như ô nhiễm môi trường, sức khỏe cộng đồng, và ma túy.

Nhưng chiều hướng đang từ từ thay đổi, hay như Boutros-Ghali nói, có lẽ xu hướng này chưa bao giờ tiến xa tới mức mà những người ủng hộ khái niệm chủ quyền đã từng hình dung như vậy. Trong báo cáo tháng 6/1992 của mình, ông nhận thấy “thời đại của chủ quyền toàn diện và tuyệt đối... đã kết thúc, lý thuyết của nó không bao giờ phản ánh đúng với thực tiễn.” Ông kêu gọi “sự cân bằng giữa các nhu cầu của một nền quản trị trong nước tốt và các yêu cầu của một thế giới ngày càng phụ thuộc lẫn nhau nhiều hơn”. Việc lý thuyết chủ quyền không đúng với thực tế lịch sử đã được chứng minh, đặc biệt là qua phương cách cộng đồng quốc tế đã giúp đỡ các nước gặp khó khăn.

Ví dụ, nhiều chương trình hỗ trợ kinh tế đòi hỏi các nước nhận phải tiến hành một số chính sách mang tính chất hoàn toàn nội bộ. Những điều kiện này thường được chấp thuận, trừ một số phản đối thi thoảng xảy ra từ các nước nhận hỗ trợ. Một số điều kiện liên quan đến việc sử dụng tiền, như đảm bảo tiền được dùng cho một dự án nhất định. Một số khác ràng buộc viện trợ với các vấn đề khác như thực hiện nhân quyền, chính sách sung công và gần đây hơn là các nỗ lực dân chủ hóa. IMF buộc nước vay tiền phải chấp nhận các điều khoản chi tiết đòi hỏi họ phải cải cách, thậm chí là tái cấu trúc nền kinh tế. IMF đặt ra các

mục tiêu về lạm phát, lượng cung tiền, và dự trữ ngoại tệ, các nước vay có rất ít lựa chọn và phải đồng ý nếu muốn nhận được hỗ trợ và các khoản vay. Vì thế nói chủ quyền tuyệt đối, theo nghĩa là quyền tự do hoàn toàn định đoạt các vấn đề quốc nội, không bị suy giảm khi các quốc gia này chấp thuận các khoản viện trợ quốc tế có điều kiện là không thuyết phục.

Tuy nhiên, viện trợ nhân đạo thường vẫn được cung cấp dù chính phủ nước nhận viện trợ có chính thức chấp thuận mọi chiến dịch hay không. Khi UNHCR được quyền vào một nước để chăm sóc người tị nạn, họ thường làm việc với chính phủ để hoàn thành mục tiêu. Ủy ban quốc tế Chữ thập đỏ khi cam kết giữ bí mật có thể được tiếp cận tù nhân và thực hiện các hoạt động nhân đạo, như trao đổi tù nhân ở các nước xảy ra nội chiến. Thậm chí khi các chính phủ không cho phép, như ở Afghanistan, Ethiopia, Sudan trong thập niên qua, các tổ chức nhân đạo vẫn tìm được cách để lách qua các chính sách chính thức. Bản thân Liên Hiệp Quốc trong một nghị quyết của Đại hội đồng vào tháng 6/1992 về quyền can dự nhân đạo đã đưa ra những nguyên tắc quan trọng liên quan đến những nỗ lực này. Nghị quyết ghi nhận rằng viện trợ nhân đạo “*nên*” (should) [không phải “*sẽ*” (shall – hàm ý bắt buộc - NHD) được chấp thuận bởi *nước* chịu ảnh hưởng (không phải là nhà nước [state] hay là chính phủ [government]) và về nguyên tắc là dựa trên thỉnh nguyện của nước bị ảnh hưởng.

Tương tự như vậy, các vấn đề môi trường cũng vượt quá quan niệm chủ quyền truyền thống. Tác động của sa mạc hóa, ấm lên toàn cầu, phá hủy tầng Ô-zôn, mưa a-xít ảnh hưởng đến mọi quốc gia. Để giải quyết các vấn đề này đòi hỏi một cơ chế quốc tế hạn chế các hoạt động trong nước như phát thải khí nhà kính.

Sự chấp nhận về dài hạn những hạn chế của chủ quyền tuyệt đối, sự xuất hiện các quan điểm của cộng đồng quốc về sự phù hợp và khía cạnh pháp lý của viện trợ nhân đạo đối với các nước gặp khủng hoảng, và sự sẵn lòng tăng lên của các nước thành viên trong việc giao phó cho Liên Hiệp Quốc nhiều quyền lực hơn, tất cả đều hướng tới những giải pháp mới để đối phó với hiện tượng các nhà nước thất bại. Cộng đồng quốc tế nên chuẩn bị cho những nỗ lực mới, có phạm vi rộng và thực sự cần thiết của Liên Hiệp Quốc nhằm thực hiện trách nhiệm cứu các quốc gia thất bại.

Vai trò bảo hộ của Liên Hiệp Quốc

Nền tảng khái niệm của những nỗ lực này nằm trong ý tưởng về sự bảo hộ. Trong các hệ thống quốc nội, khi có những người hoàn toàn không có khả năng tự thực hiện các chức năng của mình, luật pháp sẽ quy định các cơ chế qua đó cộng đồng sẽ giúp đỡ nạn nhân. Các hình thức giám hộ hay ủy thác là những phản ứng thường thấy khi gia đình tan vỡ, gặp vấn đề nghiêm trọng về thể chất hay tinh thần, hay kiệt quệ về kinh tế. Những người rủi ro được giao cho người bảo trợ hay giám hộ vốn có trách nhiệm tìm những lợi ích tốt nhất cho họ. Trong lĩnh vực thương mại, các luật phá sản là nhằm mục đích tương tự, mang lại một

khoảng thời gian quá độ cho phép những người không thể tiến hành các quan hệ kinh doanh có cơ hội thứ hai để phục hồi hoạt động.

Đã đến lúc Liên Hiệp Quốc cần nhắc phản ứng tương tự với các thực trạng xấu của các quốc gia thất bại. Điều này xuất phát một cách logic từ những nỗ lực trong quá khứ ở các lãnh thổ không tự quản lý được cũng như truyền thống gắn các điều kiện viện trợ và tín dụng với các hành vi nhất định. Việc hạn chế áp dụng vai trò bảo hộ của Liên Hiệp Quốc chỉ với những lãnh thổ ủy trị (giờ chỉ còn quần đảo Palau) cũng giống như hạn chế quyền giám hộ chỉ với trẻ nhỏ, hay phá sản chỉ với các công ty mới. Những sự hạn chế này bắt nguồn từ những tiền đề không đúng - chỉ có những lãnh thổ chưa giành được độc lập mới có quyền được Liên Hiệp Quốc bảo vệ và giám hộ - và không giúp thúc đẩy được các giá trị trung tâm của Hiến chương như nhân quyền cho tất cả mọi người và sự ổn định trong quan hệ quốc tế. Hiến chương cũng ủy thác cho Liên Hiệp Quốc đạt được “hợp tác quốc tế trong việc giải quyết các vấn đề về kinh tế, xã hội, văn hoá và nhân đạo, trong việc thúc đẩy và khuyến khích tôn trọng nhân quyền”. Công tác bảo hộ sẽ giúp đạt được những mục tiêu này.

Cái nhìn truyền thống về chủ quyền đã cũ kỹ đến mức tất cả nên công nhận sự thích hợp của các biện pháp Liên Hiệp Quốc áp dụng trong lòng các quốc gia thành viên nhằm giúp họ không tự đổ vỡ. Mặc dù vậy, Liên Hiệp Quốc cũng không thể đơn giản chỉ bắt đầu can thiệp vào nội bộ các nước như thể họ bất chợt đã là một phần trong hệ thống ủy trị. Cốt lõi tối thiểu của khái niệm chủ quyền đòi hỏi một số sự cho phép nhất định của nước tiếp nhận. Sự cho phép đó phụ thuộc vào hoàn cảnh, có thể là những lời mời chính thức hay đơn thuần là không bày tỏ quan điểm phản đối. Ngoại lệ duy nhất là trong trường hợp cá biệt, có sự vi phạm nhân quyền nghiêm trọng hay trong bối cảnh có nguy cơ xung đột khu vực mà các bên tham chiến chống lại sự hiện diện của quốc tế. Campuchia dưới thời Khơ-me Đỏ đáng ra phải được hưởng sự bảo hộ bắt buộc đặc biệt, để ngăn chặn tình trạng “tự diệt chủng” của chế độ Khơ-me Đỏ bắt đầu.

Bài viết này đề xuất ba mô hình nên được Liên Hiệp Quốc sử dụng trong vai trò bảo hộ: hỗ trợ quản trị, ủy quyền quản trị, và bảo hộ trực tiếp. Mỗi mô hình được xây dựng dựa trên các nỗ lực hỗ trợ đa phương trước đây. Mỗi mô hình đều nhằm nắm bắt cơ hội mang lại bởi quan điểm đang biến chuyển về chủ quyền.

Trong trường hợp những nước liên quan vẫn duy trì một vài hình thức cấu trúc quản trị tối thiểu, hay là những nước chưa hoàn toàn thất bại, Liên Hiệp Quốc nên cung cấp trợ giúp thông qua “hỗ trợ quản trị”. Biện pháp này ngầm định rằng đã tồn tại một chế độ vừa hiệu quả ở một mức độ nào đấy thể hiện ở việc nó duy trì được sự kiểm soát đối với các công cụ của quyền lực nhà nước, và đồng thời được quốc tế công nhận (dù có thể không phải được lựa chọn một cách dân chủ). Ví dụ về những nhà nước này có thể bao gồm những nước như Grudia, Zaire, có thể nhiều nước khác ở châu Phi và châu Á. Các nước này từng chịu sụp đổ kinh tế, bất ổn chính nhưng không hoàn toàn mất khả năng quản trị dân sự. Hỗ trợ quản trị sẽ được xây dựng dựa trên những chương trình hỗ trợ kỹ thuật có sẵn nhưng sẽ

được mở rộng hơn rất nhiều. Thay vì chỉ đưa ra các tư vấn hay các chương trình đào tạo đơn thuần, Liên Hiệp Quốc sẽ cử người đến làm việc trực tiếp với quan chức chính phủ ở các quốc gia về các nhu cầu cấp thiết nhất của đất nước. Cán bộ của Liên Hiệp Quốc sẽ giúp điều hành đất nước, nhưng quyền quyết định cuối cùng vẫn thuộc về chính phủ. Điều kiện của những hỗ trợ và can thiệp này không chỉ bao gồm các thay đổi kinh tế, mà còn có cơ cấu lại hệ thống và các quy trình chính trị nếu những ảnh hưởng này tác động đến “sức khỏe” của nhà nước.

Những chương trình đào tạo kỹ thuật kiểu đang được thực hiện bởi UNDP dĩ nhiên sẽ vẫn tiếp tục. Nhưng bởi mục tiêu của công tác bảo hộ là nhằm làm cho nhà nước liên quan có thể tự đứng trên đôi chân của mình, nên viện trợ cần được dùng trực tiếp vào các lĩnh vực ít được chuẩn bị nhất để đáp ứng nhu cầu của đất nước, như thực thi pháp luật, quân đội, giao thông, và dịch vụ y tế. Liên Hiệp Quốc cũng nên thúc đẩy các thể chế dân chủ và giúp xây dựng các yếu tố của một xã hội dân sự. Vì vậy Liên Hiệp Quốc có thể giúp soạn thảo hiến pháp, tổ chức bầu cử tự do, hay khuyến khích các tổ chức phi chính phủ (NGO) đang hoạt động để làm vững chắc hơn các thể chế quản lý, bao gồm các đảng chính trị và hệ thống tư pháp. Các NGO đã thực hiện vai trò này ở Đông Âu và các nước Liên Xô cũ. Rõ ràng, Liên Hiệp Quốc sẽ có những nhiệm vụ khó khăn hơn khi chính phủ nắm quyền tham nhũng, ranh giới giữa việc cải cách và phá hỏng nó rất mong manh, và hợp tác chặt chẽ với các chủ thể phi chính phủ là cần thiết để đảm bảo lợi ích chung của cả đất nước được đặt lên hàng đầu.

Với những quốc gia đã thất bại, mô hình thứ hai, một dạng bảo hộ sâu rộng hơn là cần thiết. Tại đây, nước đó có thể ủy thác một phần chức năng quản trị của mình cho Liên Hiệp Quốc. Quá trình này đang được thực hiện, ít nhất là trên lý thuyết tại Campuchia - đất nước có đủ điều kiện của một quốc gia thất bại: 20 năm nội chiến, các cuộc can thiệp, sự cung cấp vũ khí từ bên ngoài, vi phạm nhân quyền nghiêm trọng, sự di dời dân cư trên diện rộng, cơ sở hạ tầng bị tàn phá, tất cả đã khiến cho đất nước không thể tự quản trị. Khi các nỗ lực hòa bình nhằm hòa giải bốn bên tham chiến không thành công, năm thành viên thường trực của Hội đồng Bảo an đã phát triển một công thức rút cục được bốn bên chấp thuận để hình thành một chiến dịch của Liên Hiệp Quốc, đó là Chính quyền Chuyển tiếp của Liên Hiệp Quốc ở Campuchia (UNTAC). Chính quyền này nắm quyền giám sát đất nước cho tới khi bầu cử. Thẩm quyền lớn chưa từng có được trao cho Liên Hiệp Quốc bao gồm cả những công việc quản lý dân sự. Nó quản lý năm bộ, giám sát các bộ khác, có quyền tiếp cận tất cả các tài liệu và có thể đưa ra các quyết định ràng buộc, có quyền thay đổi nhân sự, tất cả để tạo ra một môi trường trung lập cho các cuộc bầu cử.

Quyền lực rộng lớn của UNTAC là phù hợp với địa vị của một Campuchia độc lập bởi các thẩm quyền này được chính các bên tham chiến giao phó. Người Campuchia cũng đồng ý lập ra một Hội đồng Quốc gia Tối cao (SNC), gồm các đại biểu của bốn bên và đóng vai trò như một “nguồn quyền lực duy nhất” biểu trưng cho chủ quyền của nước này. Theo

Hiệp định Paris 1991, SNC đã trao cho Liên Hiệp Quốc tất cả các quyền cần thiết để đảm bảo các điều khoản Hiệp định được thi hành thành công. Tuy nhiên Liên Hiệp Quốc cũng phải tuân theo những chỉ dẫn của SNC khi cơ quan này nhất trí đưa ra các quyết định hay khi hoàng thân Norodom Sihanouk, đại diện cho hoàng gia và là chủ tịch SNC, phát biểu thay mặt Hội đồng, và các quan điểm này theo quan điểm của Liên Hiệp Quốc là phù hợp với Hiệp định. Dàn xếp này đảm bảo Campuchia sẽ giữ được chủ quyền. Đồng thời, vai trò của Liên Hiệp Quốc lại cho thấy nước này thiếu quyền tự do hoàn toàn để quản lý các vấn đề nội bộ.

Thực tế ở Campuchia có đáp ứng những thỏa thuận trong Hiệp định Paris hay không còn chưa rõ, song “mô hình Campuchia” có ưu điểm là phù hợp hoàn toàn với Hiến chương, đồng thời cho phép Liên Hiệp Quốc đóng vai trò quan trọng. Nó cũng giữ lại một phần thẩm quyền cho giới tinh hoa lãnh đạo đất nước bằng cách yêu cầu Liên Hiệp Quốc phải cân nhắc đầy đủ những ý kiến của họ để đi đến thống nhất. Hơn nữa, nếu đất nước thực sự có một chính quyền có thể ủy quyền được thì sự bảo hộ không cần thiết phải thành lập một Hội đồng Quốc gia Tối cao. Tiền lệ của Campuchia là ví dụ cho những giới hạn mà qua đó cộng đồng quốc tế sẵn sàng cân nhắc việc bảo hộ các nước thành viên. Nếu một hội đồng đại diện quyền lực cho người Croatia, người Hồi giáo và người Serbia cùng các dân quân của họ đồng tình trao một phần quyền lực cho Liên Hiệp Quốc trong thời gian chờ bầu cử thì đó có thể là một cách giải quyết những xung đột sắc tộc nan giải ở Bosnia.

Cuối cùng, phương án mạnh mẽ nhất chính là sự điều hành trực tiếp của Liên Hiệp Quốc. Kế hoạch như vậy làm hồi sinh hệ thống ủy trị cũ và áp dụng nó vào những nhà nước thất bại. Tuy nhiên, hiện tại Hiến chương đang loại trừ dạng ủy trị này: Theo Điều 77 và 78, hệ thống Ủy trị Quốc tế chỉ được áp dụng cho các xứ ủy trị của Hội Quốc Liên trước đây, các lãnh thổ bị chiếm đóng trong Chiến tranh thế giới lần thứ hai, và các khu vực khác nằm dưới sự ủy trị của nhà nước đứng quyền quản lý. Nó “không được áp dụng với các lãnh thổ đã trở thành thành viên của Liên Hiệp Quốc”.

Những hạn chế này phản ánh tình hình thuộc địa và các ưu tiên của các thành viên Liên Hiệp Quốc giai đoạn kết thúc Chiến tranh thế giới lần thứ hai. Nhiều nước nằm dưới sự ủy trị của Hội Quốc Liên cần duy trì địa vị cũ trong một Liên Hiệp Quốc mới, nhưng các vùng lãnh thổ mới bị chiếm đóng cũng cần chuyển sang độc lập. Năm 1945, số ít các nước độc lập nhìn chung là các thành viên lâu đời nếu không phải là giàu có của cộng đồng quốc tế, và sự thất bại của họ là khó có thể xảy ra. Hơn nữa việc tạo ra hệ thống ủy trị đối với các thành viên còn được xem là không phù hợp với tiền đề rằng Liên Hiệp Quốc dựa trên “nguyên tắc bình đẳng chủ quyền của tất cả các thành viên”, và rằng nó sẽ không can thiệp vào công việc nội bộ của các nước.

Tuy nhiên, ngày nay, nếu các phe quyền lực trong nước không thể thống nhất được những thành phần cơ bản của dàn xếp ổn định chính trị như bầu cử tự do công bằng và không chấp thuận sự điều hành từ chính quyền tạm thời bên ngoài cho đến bầu cử thì Hiến

chương nên cung cấp một cơ chế ủy trị quốc tế trực tiếp. Mặc dù, không một nước nào muốn là đối tượng ủy trị không tự nguyện của Liên Hiệp Quốc, các nước vẫn có thể tình nguyện từ bỏ quyền kiểm soát các vấn đề trong và ngoài nước trong một khoảng thời gian nhất định. Kế hoạch ủy trị nên tiến xa hơn mô hình Campuchia, chính quyền địa phương nên trao quyền lực cho Liên Hiệp Quốc và theo sự chỉ dẫn của Liên Hiệp Quốc thay vì vẫn giữ quyền phủ quyết.

Nói chung, Liên Hiệp Quốc nên đóng vai trò một chính quyền quản lý, dù một nhóm các nước cũng có thể đóng vai trò này, như Cộng đồng châu Âu với Bosnia. Trong mọi trường hợp, Liên Hiệp Quốc và quốc gia bị ảnh hưởng sẽ thương lượng một hiệp định ủy trị bao gồm những khoản cần thiết mà chính quyền nhà nước đó có thể đồng tình. Vì việc thực hiện ủy trị sẽ đòi hỏi sửa đổi Hiến chương, những trở ngại phải được đánh giá đúng mức. Các phản đối sửa đổi Hiến chương là phổ biến lâu nay, và một quá trình sửa đổi thành công chắc chắn đòi hỏi một sự đồng thuận chính trị được hình thành kỹ càng.

Bất kỳ mô hình nào trong ba mô hình bảo hộ được phác thảo trên đây - và đặc biệt là chế độ ủy trị chính thức, đều sẽ gặp phải những phản đối. Nhiều người sẽ cho rằng đặt các thành viên dưới sự giám sát trực tiếp sâu rộng của Liên Hiệp Quốc sẽ hủy hoại ý niệm về chủ quyền và vi phạm quyền bình đẳng chủ quyền của các nước ghi trong Điều 2(1). Ở một mức độ thực tiễn hơn, Liên Hiệp Quốc chưa bao giờ tự điều hành một lãnh thổ nào, ngoại trừ khoảng thời gian ngắn đối với Irian Jaya; điều hành các xứ ủy trị có thể ngoài khả năng và tốn kém đối với Liên Hiệp Quốc.

Những lập luận này không có tính quyết định. Chủ quyền, dù được tôn sùng bởi nhiều quốc gia đang phát triển, lại nhất quán với khái niệm bảo hộ vì mục đích của bảo hộ là giúp quốc gia khôi phục trách nhiệm đối với bản thân mình. Các quốc gia thất bại chỉ tự điều hành trên những phương diện rất nhỏ. Dù không chịu sự kiểm soát của một ông chủ thuộc địa, nhưng hiếm khi họ tự điều hành được. Việc hiện đại hóa và định hướng lại các chương trình của Liên Hiệp Quốc để hỗ trợ “những lãnh thổ không tự chủ mới” là phù hợp. Ví dụ, toàn bộ chiến dịch ở Campuchia được tổ chức hướng đến việc cho phép người Campuchia thực hiện quyền tự quyết, cũng là mục tiêu mà Hiến chương đặt cho hệ thống ủy trị. Vì vậy, sự hỗ trợ của Liên Hiệp Quốc cho dù dưới dạng giám sát sâu rộng hay ủy trị trực tiếp đều giúp thúc đẩy chủ quyền trong dài hạn. Thêm nữa, khái niệm chủ quyền cũng đang thay đổi. Trách nhiệm của cộng đồng thế giới trong việc thúc đẩy nhân quyền ở các quốc gia thất bại chứng tỏ rằng các quan niệm cũ về chủ quyền không nên ngăn cản sự bảo hộ. Những dàn xếp này sẽ củng cố chủ quyền trong thời gian dài.

Cuối cùng, về sự thiếu kinh nghiệm của Liên Hiệp Quốc, sự giám sát nền độc lập của Namibia và thực hiện những chức năng gìn giữ hòa bình phức tạp hơn bao giờ hết ở Trung Mỹ và Nam Tư cũ là dấu hiệu tốt cho khả năng thích ứng với nhu cầu ngày càng phức tạp của nhiệm vụ bảo hộ. Những kết quả ở Campuchia là rất quan trọng. Tuy nhiên, rõ ràng là việc thực hiện bảo hộ đòi hỏi nhiều nguồn lực mới.

Những cân nhắc thực tiễn

Bất kỳ định nghĩa nào của sự bảo hộ cũng đòi hỏi những nguyên tắc hạn chế và quy trình được tổ chức cẩn thận. Đầu tiên, bảo hộ không nên biến thành hình thức chuyển sự giàu có từ nước giàu sang nước đang phát triển, một “vùng nước ngọt” cho các nước nghèo hơn. Các nước đang khó khăn về kinh tế nhưng có các thể chế kinh tế và chính trị vận hành được thì không nên là đối tượng được bảo hộ. Các nước này nên được hướng đến các thể chế thông thường để được cung cấp viện trợ nước ngoài. Liên Hiệp Quốc cũng sẽ phải phát triển các tiêu chí xác định khi nào một đất nước đã gần kề thất bại dựa trên tình hình xấu đi rõ rệt về chính trị, kinh tế, và nhân quyền. Có lẽ các nước này nên tuyên bố phá sản và xin một trong những loại hình cứu trợ trên, bao gồm các mức độ từ bỏ chủ quyền khác nhau để trao lại cho Liên Hiệp Quốc. Các tiêu chuẩn này không hề quá khó để có thể áp dụng, các nước chắc chắn sẽ lưỡng lự khi trao quyền cho Liên Hiệp Quốc trừ khi họ đã hoàn toàn vô vọng. Dĩ nhiên, các hạn chế về nguồn lực chắc chắn sẽ giới hạn số các nước có thể cùng được hỗ trợ tại cùng một thời điểm.

Thứ hai, một bộ phận của Liên Hiệp Quốc sẽ được giao trách nhiệm chung cho việc bảo hộ, bao gồm quyền khởi xướng và hủy bỏ. Các cơ quan hiện tại của Liên Hiệp Quốc thiếu những điều cần thiết. Đại hội đồng quá lớn và công kênh để có thể kiểm soát hiệu quả, đặc biệt khi cần đến những hành động khẩn cấp. Hội đồng Kinh tế và Xã hội với 54 thành viên cũng là một cơ quan quá lớn. Hội đồng Ủy trị có thể đủ, tuy nhiên cần phải sửa đổi Hiến chương để có thể phục hồi lại vai trò của nó. Hiện tại, Hội đồng Bảo an là một bộ phận hiệu quả nhất, có thể giải quyết các yếu tố chính trị và gìn giữ hòa bình của việc bảo hộ, nhưng lại có rất ít kinh nghiệm về các vấn đề kinh tế và xã hội. Hội đồng Bảo an cũng có thể lập ra các nhóm nhỏ - không bao gồm tất cả các thành viên - để giám sát việc bảo hộ trên cơ sở một nghị quyết được hội đồng thông qua và kinh phí do Đại hội đồng cấp. Vì vậy Hội đồng Bảo an có thể lập nên một ban ủy trị cho Somalia bằng một nghị quyết nêu rõ các điều khoản của kế hoạch và chỉ định năm quốc gia thành viên (có thể gồm ba nước châu Phi được Nhóm thành viên châu Phi đề cử). Quy trình đó thống nhất với tiền lệ do Đại hội đồng đặt ra trong việc thành lập Hội đồng Liên Hiệp Quốc về Namibia vốn ban đầu chỉ có 11 thành viên.

Thứ ba, tổng bí thư Liên Hiệp Quốc cần phát triển một cơ quan quản lí. Một cơ quan trung tâm của Liên Hiệp Quốc sẽ quản lý và điều phối bảo hộ và cung cấp cứu trợ. Một số chức năng sẽ thuộc thẩm quyền của Phó Tổng Thư ký phụ trách các chiến dịch gìn giữ hòa bình, số khác thuộc thẩm quyền của Phó Tổng Thư ký phụ trách các vấn đề nhân đạo, và phần còn lại thuộc về các cơ quan chuyên môn và kỹ thuật khác. Văn phòng trung tâm thuộc Ban Thư ký có thể giữ quyền kiểm soát hệ thống chuyên môn và nguồn lực của Liên Hiệp Quốc ở mức độ mà đại diện đặc biệt của Tổng thư kí tại Campuchia, Đại sứ Nhật Bản Yasuhi Akashi, đã được trao quyền điều hành tại Campuchia.

Thứ tư, việc bảo hộ không nên biến thành một sự giám hộ lâu dài. Nếu một chương trình không thể cho thấy những tiến triển lớn sau khoảng ba năm, Hội đồng Bảo an hoặc Đại hội đồng sẽ đánh giá lại tình hình chính trị của nước đó. Và một giải pháp tốt hơn có thể nghĩ tới nữa là trung cầu dân ý của quốc gia đó về việc nên chia tách hay sáp nhập với một nước láng giềng.

Cuối cùng, không một bàn luận nào về vai trò gia tăng của Liên Hiệp Quốc mà lại có thể diễn ra mà không đề cập đến khía cạnh tài chính. Hoạt động kéo dài hơn hai năm ở Campuchia, trường hợp gần đây nhất mà Liên Hiệp Quốc quản lí, ước tính tiêu tốn hơn 1,6 tỷ đô la. Với một đất nước đông dân hơn (dân số Cam-pu-chia chỉ là 7,8 triệu người) nguồn lực đòi hỏi sẽ lớn hơn, phụ thuộc và các hoạt động gìn giữ hòa bình và dân sự cần có. Ít nước nào còn chịu mức tàn phá nặng nề hơn so với Campuchia. Điều này chỉ ra rằng cần có các khoản đóng góp lớn từ các nước thành viên tại thời điểm mà nhiều nước, đặc biệt là Mỹ, lại ưu tiên đến công việc nội bộ. Nhưng cái giá lâu dài của việc lờ đi các quốc gia thất bại trên phương diện những thống khổ của con người, điều kiện kinh tế và bất ổn chính trị là không lồ khi so với những chi phí trước mắt để Liên Hiệp Quốc tiến hành một chiến dịch giải cứu.

Các nhà nước thất bại hứa hẹn sẽ trở thành một phần quen thuộc của đời sống quốc tế. Chúng chắc chắn sẽ gây nên những hậu quả nặng nề lên người dân của họ và tất cả các nước. Thậm chí nếu cộng đồng quốc tế tiếp tục cách tiếp cận tạm bợ như hiện nay, họ sẽ phải đối mặt với các chi phí ngày càng lớn cho quân đội gìn giữ hòa bình, hỗ trợ nhân đạo, và giải quyết vấn đề người tị nạn. Thách thức thực sự với các thành viên Liên Hiệp Quốc là giải quyết vấn đề trực tiếp bằng cách tạo ra các nền tảng tư tưởng và luật pháp để đối phó với các quốc gia thất bại như là một phạm trù đặc biệt, và tạo ra các thể chế để cứu giúp họ. Cộng đồng quốc tế cần một con đường tiết kiệm chi phí để ứng phó với sự bất ổn quốc gia và sự thống khổ của con người ngày càng gia tăng. Nếu được nhận thức, quản lý, cung cấp nguồn lực phù hợp, một cơ chế bảo hộ có thể sẽ là câu trả lời cho vấn đề này.

GIỚI THIỆU DỰ ÁN NGHIENCUUQUOCTE.NET

Mục đích

Nghiencuuquocte.net là một dự án phi chính trị, phi lợi nhuận nhằm mục đích phát triển nguồn học liệu chuyên ngành nghiên cứu quốc tế bằng tiếng Việt và thúc đẩy việc học tập, nghiên cứu các vấn đề quốc tế tại Việt Nam.

Lý do ra đời

Trong khi số người học tập và nghiên cứu về các vấn đề quốc tế ở Việt Nam ngày càng gia tăng thì việc tiếp cận các tài liệu mang tính học thuật của thế giới về lĩnh vực này còn rất hạn chế vì hai lý do: Thứ nhất, các tài liệu này thường phải trả phí mới tiếp cận được, trong khi các trường đại học và viện nghiên cứu của Việt Nam hầu như không có chi phí trang trải. Thứ hai, các tài liệu này chủ yếu được xuất bản bằng tiếng Anh, khiến nhiều sinh viên, nhà nghiên cứu, và đặc biệt là quang đại độc giả quan tâm đến các vấn đề quốc tế nói chung, gặp khó khăn trong việc tiếp thu, lĩnh hội. *Nghiencuuquocte.net* ra đời với hi vọng sẽ góp phần khắc phục được các vấn đề trên.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của *Nghiencuuquocte.net* là biên dịch sang tiếng Việt và xuất bản trên website của mình các nguồn tài liệu mang tính học thuật bằng tiếng Anh về lĩnh vực quan hệ quốc tế, bao gồm chính trị quốc tế, kinh tế quốc tế, và luật pháp quốc tế.

Các tài liệu này chủ yếu là các bài báo trên các tạp san quốc tế, các chương sách, hoặc các tài liệu tương ứng, đã được xuất bản bởi các nhà xuất bản, các trường đại học và viện nghiên cứu có uy tín trên thế giới.

Dự án ưu tiên biên dịch và xuất bản:

- Các bài viết mang tính nền tảng đối với lĩnh vực nghiên cứu quốc tế;
- Các bài viết có nhiều ảnh hưởng trong lĩnh vực này;
- Các bài viết liên quan trực tiếp hoặc có ảnh hưởng, hàm ý gián tiếp đến Việt Nam;
- Các bài viết được đồng đạo độc giả quan tâm.

Sau khi dự án hoạt động ổn định, số lượng các bài dịch có chất lượng tăng lên, *Nghiencuuquocte.net* có thể tính tới việc hợp tác với các đối tác để biên soạn các tuyển tập bài dịch theo từng chủ đề nhất định và phát hành dưới dạng sách in hoặc ebook.

Quy trình biên dịch và xuất bản

Ban biên tập chịu trách nhiệm tuyển lựa (và xin phép các nhà xuất bản nếu cần) các bài viết để giao cho các cộng tác viên dịch. Các cộng tác viên cũng có thể chủ động đề xuất lên Ban Biên tập các bài viết mà mình muốn dịch. Sau khi có sự đồng ý của Ban Biên tập, cộng tác viên sẽ tiến hành biên dịch.

Các cộng tác viên hoặc các cá nhân khác nếu đã dịch sẵn một bài viết/ chương sách nào đó cũng có thể gửi đến Ban Biên tập (kèm bản gốc tiếng Anh) để xem xét. Nếu đề tài phù hợp và chất lượng đạt yêu cầu, bài viết có thể được hiệu đính và xuất bản.

Sau khi nhận được bản dịch, Ban Biên tập sẽ kiểm tra bước đầu chất lượng bài dịch. Nếu chất lượng không đạt (ví dụ sai quá nhiều, khó có thể hiệu đính, biên tập được một cách hiệu quả) thì bài dịch sẽ bị từ chối và trả lại người dịch. Trong trường hợp chất lượng thỏa đáng, bài dịch sẽ được chuyển tới các cộng tác viên phù hợp để kiểm định và hiệu đính. Sau khi hiệu đính, Tổng Biên tập sẽ kiểm tra lại lần cuối. Nếu đạt yêu cầu, bài dịch sẽ được xuất bản trên website dự án.

Tổng Biên tập là người quyết định cuối cùng về việc lựa chọn bài dịch, người dịch, người hiệu đính, cũng như việc chuyển hiệu đính và xuất bản các bài viết.

Xuất bản các bài dịch đã được công bố

Ban biên tập hoan nghênh các cộng tác viên đóng góp các bài dịch đã được hiệu đính và xuất bản ở các nơi khác. Trong trường hợp hợp đó, các cộng tác viên đảm bảo việc công bố các bài dịch đó trên *Nghiencuuquocte.net* đã được cho phép bởi các bên liên quan.

Yêu cầu đối với bản dịch

Để được xem xét xuất bản, bản dịch phải đảm ứng các yêu cầu sau:

- Dịch sát và đầy đủ bài viết nguyên gốc. Trong trường hợp vì lý do đặc biệt mà cộng tác viên muốn bỏ một phần nào đó của bài viết gốc thì phải thông báo và được sự đồng ý của Ban Biên tập.
- Ngôn ngữ tiếng Việt trong sáng, dễ hiểu. Hạn chế tối đa lỗi chính tả.
- Trong trường hợp có các thuật ngữ, đoạn văn người dịch cảm thấy khó hiểu hoặc dịch chưa chuẩn, người dịch cần đánh dấu (highlight) các thuật ngữ, đoạn văn đó để tiện cho việc hiệu đính biên tập.

- Giữ toàn bộ nguồn tài liệu tham khảo như trong bản gốc (footnote, endnote, bibliography). Các footnote, endnote có chứa thông tin bổ sung cần được dịch. Tuy nhiên, để tiện cho việc truy nguồn tài liệu tham khảo của người đọc, người dịch giữ nguyên tiếng Anh (không dịch sang tiếng Việt) các nguồn tài liệu tham khảo của bài viết gốc.
- Bài dịch phải được đánh máy bằng font chữ Unicode, cỡ 12 pt, cách dòng 1,5, file MSWord 2003, 2007, 2010 (không gửi bản pdf).
- Bài dịch phải sử dụng Bìa bài dịch theo mẫu thống nhất. Download template bìa bài dịch tại đây: [Template Bìa bài dịch](#)
- Tên file: Tên người dịch + Tên bài viết gốc bằng tiếng Anh.
- Bài dịch sau khi hoàn thành gửi về địa chỉ: nghiencuuquocte@gmail.com.

Thời hạn hoàn thành bản dịch

Vì đây là một dự án dựa trên sự đóng góp tự nguyện, Ban Biên tập không yêu cầu thời hạn cụ thể đối với việc hoàn thành các bản dịch. Tuy nhiên, Ban Biên tập hi vọng sẽ nhận được bản dịch trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày bản gốc được gửi cho người dịch. Thông thường các bản bài gốc tiếng Anh sẽ có độ dài từ 20-35 trang (bao gồm endnote, footnote, bibliography).

Cộng tác với *Nghiencuuquocte.net*

Do đây là một dự án phi lợi nhuận mới ở giai đoạn đầu và chưa có tài trợ nên chúng tôi kêu gọi sự tham gia tình nguyện của các cộng tác viên ở cả hai công đoạn biên dịch và hiệu đính. Nếu bạn quan tâm và muốn trở thành cộng tác viên của dự án, vui lòng điền vào mẫu đơn đăng ký tại: <http://nghiencuuquocte.net/dang-ky-cong-tac/>

Các cộng tác viên đăng ký, tùy vào quyết định của Ban Biên tập, có thể sẽ được đưa vào danh sách cộng tác viên luôn hoặc sẽ được gửi một đoạn trích từ một bài báo/chương sách (khoảng 1-2 trang) để dịch thử. Nếu đạt yêu cầu, chúng tôi sẽ đưa các bạn vào danh sách cộng tác viên và sẽ gửi bài cho các bạn biên dịch/ hiệu đính khi có bài phù hợp với chuyên môn của bạn hoặc theo đăng ký chủ động của bạn. Lưu ý: Việc bạn được gửi bài để dịch cũng như việc bạn nộp bài đã dịch không đảm bảo chắc chắn bài dịch của bạn sẽ được hiệu đính, biên tập và xuất bản.

Lợi ích của việc trở thành cộng tác viên của *Nghiencuuquocte.net*:

- Rèn luyện và nâng cao khả năng tiếng Anh, nhất là kỹ năng dịch thuật;
- Mở rộng hiểu biết về các lĩnh vực nghiên cứu quốc tế;
- Đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng học tập và nghiên cứu quốc tế tại Việt Nam;
- Được cấp giấy chứng nhận cộng tác viên (có thể đưa vào hồ sơ xin học bổng, xin việc làm) nếu đóng góp từ 2 bài dịch trở lên.
- Được nhận thù lao trong trường hợp dự án xin được tài trợ hoạt động hoặc bài dịch được sử dụng trong các ấn phẩm phát hành có thu phí.

Bản quyền bài dịch

Bản quyền đối với bản dịch được xuất bản cùng được chia sẻ bởi người dịch, người hiệu đính (nếu phải hiệu đính) và trang *Nghiencuuquocte.net*. Trong trường hợp bản dịch phát sinh doanh thu (ví dụ được đưa vào các giáo trình, tập bài đọc, hoặc các ấn phẩm khác được phát hành có thu phí như sách in hoặc ebook), thì sau khi trừ các chi phí biên soạn, in ấn, phát hành, lợi nhuận thu được sẽ được chia theo tỉ lệ: Người dịch: 40% (hoặc 75% nếu không phải hiệu đính); Người hiệu đính: 35%, trang *Nghiencuuquocte.net*: 25%.

Trang *Nghiencuuquocte.net* chịu mọi phí tổn trong trường hợp phải trả phí cho nhà xuất bản để bài viết được phép dịch sang tiếng Việt.

Đăng tải, phát hành lại bài dịch từ *nghiencuuquocte.net*

Việc đăng tải lại trên các trang mạng các bài dịch đã công bố trên website dự án phải ghi rõ nguồn và dẫn link tới bài viết gốc trên *nghiencuuquocte.net*.

Trong trường hợp in ấn hoặc sử dụng các bài viết cho mục đích thương mại, các bên liên quan phải nhận được sự cho phép bằng văn bản của Ban Biên tập *nghiencuuquocte.net*.

Dù nỗ lực tối đa trong nguồn lực cho phép để đảm bảo chất lượng của các bài dịch, *nghiencuuquocte.net* không chịu trách nhiệm về độ tin cậy, chính xác của các bài dịch cũng như những hậu quả có thể phát sinh từ việc trích dẫn, sử dụng lại nội dung của các bài dịch đó dưới bất kỳ hình thức nào.

Miễn trừ trách nhiệm

Trong khi trân trọng sự đóng góp của các cộng tác viên, *Nghiencuuquocte.net* và Ban Biên tập không thể chịu bất cứ trách nhiệm nào đối với các tổn thất, thiệt hại về vật chất, tinh thần, thời gian, sức khỏe... có thể xảy ra đối với các cộng tác viên trong quá trình tiến hành cộng tác với dự án.

Liên lạc

Mọi trao đổi xin vui lòng gửi tới: Lê Hồng Hiệp Email: nghiencuuquocte@gmail.com.